

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-PT
Ngày 20 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Lê Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 197/2023/HSPT ngày 05 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Phan Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 170/2023/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Văn T (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 23/3/1995 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T1, sinh năm: 1972 và bà Phạm Thị Kim T2, sinh năm: 1972; vợ: Huỳnh Thị Kiều H, sinh năm: 1992; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Trọng T3, sinh ngày 11/9/1984 tại tỉnh Bình Định; nơi thường trú: Tổ D, khu phố I, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L (chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1952; vợ: Huỳnh Thị Kim T4, sinh năm: 1987; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/11/2000, bị Ủy ban nhân dân tỉnh B ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, chấp hành xong vào ngày 24/7/2002; ngày 28/11/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử

phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 11/4/2005; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Văn L1 (tên gọi khác: T5), sinh ngày 19/5/1995 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1974; vợ: Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm: 1995; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017 và nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/4/2023, Nguyễn Trọng T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM (màu xanh, không rõ biển số) và Nguyễn Văn L1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Hoda Wave – Alpha (màu đỏ đen, không rõ biển số) chở theo Phan Văn T đến Cảng cá Q tại tổ C, khu phố G, phường H, thành phố Q tìm việc làm. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, do không tìm được việc làm nên cả nhóm đi về. L1 điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau và T3 điều khiển xe đi một mình. Khi đi ngang qua sạp bán hải sản của bà Trịnh Thị M1 trong Cảng cá Q, thấy có để nhiều thùng xốp, không có ai trông coi, quản lý nên T nói “Anh em khổ quá, dô coi thử có cá không, có thì lụm”; T3 và L1 đồng ý. L1 ngồi tại xe mô tô trông coi, cảnh giới. T và T3 đi bộ vào trong sạp bán hải sản của bà M1 lấy trộm 01 thùng xốp màu trắng, kích thước khoảng (1x0,5x0,5)m, bên trong chứa 20kg cá sơn đỏ tươi (loại cá có trọng lượng khoảng từ 1,2kg – 1,7kg/con) rồi vẫy tay gọi L1 chạy xe mô tô đến. T và T3 khiêng thùng xốp chứa cá sơn đỏ để lên phía sau yên xe của L1, L1 điều khiển xe mô tô chở thùng xốp đến đoạn gần cầu H trên Quốc lộ A thuộc phường Đ, thành phố Q. Sau khi L1 đi, T và T3 tiếp tục lục tìm tại sạp bán hải sản của bà M1 thì thấy 02 thùng xốp giống nhau, màu trắng, kích thước khoảng (1x0,5x0,5)m, bên trong mỗi thùng chứa 10kg cá bánh đường tươi (loại cá có trọng lượng khoảng từ 0,7kg – 1,7kg/con). T3 và T khiêng 02 thùng xốp đựng cá bánh đường để lên yên xe của T3 rồi T3 điều khiển xe rời đi. Khi chở 02 thùng cá trộm được chạy ra đến cổng Cảng cá thì xe mô tô bị trượt ngã làm 01 thùng xốp bị vỡ nên T3 gom tất cả cá bánh đường vào 01 thùng xốp còn lại để lên xe chở đến cầu H gặp L1. Tại đây, T3 và L1 để 02 thùng xốp chứa cá vừa trộm được xuống vỉa hè bán cho người đi đường. Một số người đi đường thấy hỏi mua cá nhưng do không có cân nên T3 điện thoại cho T tìm cân và nói L1 điều khiển xe quay lại Cảng cá chở T. T lấy 01 cái cân loại 15kg (màu xanh, không rõ nhãn hiệu, đã cũ, không rõ chủ sở hữu) ở bên nhà lồng trong Cảng cá rồi L1 điều khiển xe chở T mang theo cái cân đi đến cầu H 5. Tại đây, T3 cùng T và L1 cân tổng trọng lượng số cá trong 02 thùng xốp trộm được là 40kg (gồm 20kg cá sơn đỏ và 20kg cá bánh đường) và bán hết cho những người đi đường (không rõ lai lịch) được 2.874.000 đồng. Bán cá xong, L1 điều khiển xe chở T mang theo cân đến Cảng cá trả lại vị trí cũ rồi chở T quay lại gặp T3. Sau đó, cả ba sử dụng số tiền bán cá trộm cắp được đi ăn tối,

thanh toán tiền xong, số tiền còn lại chia ba, mỗi người được 750.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà M1 đến Công an phường H trình báo.

Sau khi bán cá xong, T đã mang cân trả lại vị trí cũ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tiến hành xác minh, thông báo truy tìm bị hại và cái cân trên nhưng không tìm được nên không có cơ sở xử lý.

Ngày 26/5/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q kết luận: Tại thời điểm định giá tài sản ngày 06/4/2023, 20kg cá sơ đồ tươi có giá 3.000.000 đồng và 20kg cá bánh đường tươi có giá 4.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 7.000.000 đồng.

Các bị cáo đã bồi thường cho bà M1 10.500.000 đồng và bà M1 không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2023/HS-ST ngày 31/10/2023, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã xét xử các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Trọng T3 và Nguyễn Văn L1 về tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 06 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T3 06 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L1 03 tháng tù. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/11/2023, các bị cáo Phan Văn T và Nguyễn Trọng T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 15/11/2023, bị cáo Nguyễn Văn L1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn T và Nguyễn Trọng T3 xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn L1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 06/4/2023, các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Trọng T3 và Nguyễn Văn L1 đã có hành vi trộm cắp 20kg cá sơ đồ tươi và 20kg cá bánh đường tươi của bà Trịnh Thị M1 trong Cảng cá Q tại tổ C, khu phố G, phường H, thành phố Q. Các bị cáo đã bán hết số cá trên cho những người đi đường tại cầu H và thu được 2.874.000 đồng.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q ngày 26/5/2023 thì các tài sản bị trộm cắp có giá trị là 7.000.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2023/HS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã xét xử các bị cáo T, T3 và L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Trọng T3 và Nguyễn Văn L1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Trong vụ án này, T là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản; sau khi L1 chở thùng cá sơn đỏ đi tiêu thụ thì T và T3 tiếp tục lục tìm tại sạp bán hải sản của bà M1 và chiếm đoạt thêm 20kg cá bánh đường tươi nên hành vi của T và T3 có tính chất nguy hiểm hơn L1. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; cả 03 bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T và L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hành vi phạm tội nhất thời, không có sự chuẩn bị trước, trình độ văn hoá thấp, riêng bị cáo T không biết chữ.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T3 06 tháng tù là phù hợp do bị cáo có nhân thân xấu hơn 02 bị cáo còn lại và xử phạt bị cáo T 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo L1 có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Ngoài ra, việc cho các bị cáo T và T3 hưởng án treo là không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T3; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T; chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo L1; sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo T và L1.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo T và L1 không phải chịu, bị cáo T3 phải chịu 200.000 đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, T3 và L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c và e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng T3;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L1;

Căn cứ các điểm b, d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng T3; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Văn T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L1. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Phan Văn T và Nguyễn Văn L1.

2. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T3 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 20/3/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn L1 cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

5.1. Các bị cáo Phan Văn T và Nguyễn Văn L1 không phải chịu.

5.2. Bị cáo Nguyễn Trọng T3 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an TP.Quy Nhơn;
- Cơ quan THAHS Công an TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP.Quy Nhơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Thanh Gia